

Bản án số: 73/2021/DS-ST
Ngày: 25-5-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2/ Bà Lê Thị Phước Mãng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Quý – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Tánh – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2020/TLST- DS ngày 15 tháng 10 năm 2020 về “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST- DS ngày 29 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST-HPT ngày 27 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Tuyết M, sinh năm: 1972; địa chỉ: 43 đường T (số cũ: 43 đường 318 P), Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Văn V, sinh năm: 1964; địa chỉ: 43 đường 318 P, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: 27/9 đường P, Phường I, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy ủy quyền số: 005545 ngày 04/11/2020 do Văn phòng công chứng Quận H chứng nhận) (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm: 1984; Địa chỉ: 365/36/82 đường H, Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2020, bản tự khai ngày 02/11/2020 ông Võ Văn V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 13/11/2017 bà Trần Thị Tuyết M có cho ông Nguyễn Thanh B vay số tiền là 460.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng), thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày

hai bên ký kết hợp đồng, lãi suất và thời hạn bên ông B trả lãi cho bà M do hai bên tự thỏa thuận. Hợp đồng vay tiền được Văn phòng công chứng Quận H chứng nhận số 011112, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/11/2017. Mặc dù trên hợp đồng hai bên không ghi cụ thể mức lãi suất cho vay nhưng bà M và ông B có thỏa thuận với nhau mức lãi suất cho vay là 1%/tháng. Sau đó ông B không trả tiền vốn và tiền lãi cho bà M như đã thỏa thuận. Bà M khởi kiện yêu cầu ông B phải trả cho bà M số tiền vốn vay là 460.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 13/11/2017 đến ngày 13/9/2020 với mức lãi suất là 1%/tháng.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, ông Võ Văn V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Do bà M có nhầm lẫn về lãi suất cho vay nên tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 02/11/2020 có trình bày là bà M và ông B thỏa thuận với nhau lãi suất cho vay trong hạn 1%/tháng là không chính xác thực tế hai bên thỏa thuận với nhau lãi suất cho vay trong hạn là 1,5%/tháng. Tuy nhiên, hai bên không có lập biên bản với nhau về việc thỏa thuận mức lãi suất mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói với nhau. Sau khi ký hợp đồng vay tiền thì bà M đã giao đủ số tiền đã vay cho ông B. Tuy nhiên, ông B đã không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng, không trả lãi vay như đã thỏa thuận. Đến thời hạn trả tiền vốn ông B cũng không trả. Bà M đã nhiều lần đến nhà ông B để yêu cầu ông B trả nợ nhưng không gặp và cũng không liên lạc được với ông B. Nay bà Trần Thị Tuyết M khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh B phải trả lại cho bà M số tiền vốn vay còn thiếu là 460.000.000đ (bốn trăm sáu mươi triệu đồng). Về tiền lãi trong hạn: Ông B phải trả cho bà M 03 tháng tiền lãi trong hạn tuy nhiên do bà M không có chứng cứ chứng minh về việc thỏa thuận mức lãi suất cho vay là 1,5%/ tháng nên ông đại diện cho bà M đồng ý tính mức lãi suất cho vay trong hạn là 10%/năm (tức 0,83%/tháng), ngoài ra ông B còn phải trả cho bà M tiền lãi quá hạn theo quy định của pháp luật từ ngày 14/02/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm tính tròn là 39 tháng. Bà M không yêu cầu ông B phải trả tiền lãi của số tiền lãi trong hạn chưa trả. Yêu cầu Tòa án buộc ông B trả toàn bộ số tiền vốn và tiền lãi trong hạn, quá hạn cho bà M làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh B vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được lời khai.

Phản phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào hợp đồng vay tiền được Văn phòng công chứng Quận H chứng nhận số 011112, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/11/2017 có cơ sở xác định bà Trần Thị Tuyết M đã cho ông Nguyễn Thanh B vay số tiền là 460.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng), thời hạn vay là 03 (ba) tháng, lãi suất do các bên thỏa thuận theo quy định của pháp luật. Đến hạn thanh toán ông B không trả tiền cho bà M như đã thỏa thuận nên bà M khởi kiện

yêu cầu ông B phải thanh toán số tiền vốn vay còn thiếu là 460.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng) là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

Về tiền lãi trong hạn: Căn cứ hợp đồng vay tiền ngày 13/11/2017, các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất do vậy cần phải áp dụng mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định thì mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Như vậy, tiền lãi trong hạn (03 tháng) ông B phải trả cho bà M là: 11.454.000 đồng, lãi quá hạn từ ngày 14/02/2018 đến ngày 25/5/2021 (tính tròn 39 tháng) là: 224.250.000 đồng. Tổng cộng tiền lãi là: 695.704.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Thanh B trả cho bà Trần Thị Tuyết M số tiền vốn vay là 460.000.000 đồng và lãi từ ngày 13/11/2017 đến ngày 25/5/2021 là 235.704.000 đồng. Tổng cộng là: 695.704.000 đồng trả một lần kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Về án phí bị đơn phải chịu là: 31.828.160 đồng, hoàn tiền án phí cho nguyên đơn là 14.328.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết M khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh B phải trả số tiền đã vay theo hợp đồng vay tiền số 011112, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng Quận H chứng nhận ngày 13/11/2017. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, ông Nguyễn Thanh B có địa chỉ cư trú tại: 365/36/82 đường H, Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả trả lời xác minh của Ban chỉ huy Công an Phường K, Quận F thì từ năm 2016 đến nay đương sự Nguyễn Thanh B bỏ địa phương đi đâu không rõ (không khai báo với chính quyền địa phương). Như vậy, mặc dù không còn cư trú tại địa phương nhưng đến tháng 11 năm 2017 khi ký hợp đồng vay tiền với bà M trên hợp đồng vay tiền ông B vẫn ghi địa chỉ tại số: 365/36/82 đường H, Phường K, Quận F. Như vậy, là ông B đã cố tình giấu địa chỉ không thông báo cho bà M biết địa chỉ nơi cư trú mới. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ- HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Thanh B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến Tòa án để tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa. Đồng thời nguyên đơn cũng đã làm thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với ông Nguyễn Thanh B nhưng tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Thanh B vẫn tiếp tục vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền vốn vay.

Trong suốt quá trình Tòa án thụ lý vụ án ông Nguyễn Thanh B không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa

giải, không tham gia phiên tòa, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Do vậy, ông B phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ và không chứng minh.

- Căn cứ vào hợp đồng vay tiền số 011112, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng Quận H chứng nhận ngày 13/11/2017 do bà Trần Thị Tuyết M cung cấp. Hội đồng xét xử hoàn toàn có cơ sở xác định vào ngày 13/11/2017 thì ông Nguyễn Thanh B đã vay của bà Trần Thị Tuyết M số tiền là 460.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng) và đến nay ông B vẫn chưa trả lại số tiền vay trên cho bà M. Nay bà Trần Thị Tuyết M khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh B phải trả lại số tiền vốn vay là 460.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng) là hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về tiền lãi: Căn cứ vào hợp đồng vay tiền số 011112, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng Quận H chứng nhận ngày 13/11/2017 thì tại Điều 1 của hợp đồng hai bên có thỏa thuận “ *Lãi suất và thời hạn bên B (ông B) trả lãi cho bên A (bà M) do hai bên tự thỏa thuận theo quy định của pháp luật*”. Như vậy, căn cứ vào thỏa thuận này chứng tỏ đây là hợp đồng vay tiền có thời hạn và có lãi suất. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông Võ Văn V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin đính chính lại mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận cho vay là 1,5%/tháng chứ không phải là 1%/tháng như những lời khai trước đây. Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn ông Nguyễn Thanh B vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông B về mức lãi suất trong hạn mà hai bên thỏa thuận. Mặt khác, nguyên đơn cũng không nhớ chính xác và rõ ràng về mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận, không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 1,5%/tháng. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự xác định mức lãi suất cho vay trong trường hợp này bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự tức là 10%/năm (0,83%/tháng). Tại phiên tòa hôm nay, ông Võ Văn V đại diện cho nguyên đơn cũng đồng ý mức lãi suất cho vay trong hạn là 0,83% /tháng. Như vậy, theo quy định tại điểm a,b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì ngoài việc ông Nguyễn Thanh B phải trả cho bà M số tiền vốn còn thiếu là 460.000.000 đồng thì ông B còn phải trả cho bà M tiền lãi trong hạn, tiền lãi của số tiền lãi trong hạn chưa trả và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông Võ Văn V đại diện theo ủy quyền của bà M tự nguyện không yêu cầu ông Nguyễn Thanh B phải trả tiền lãi của số tiền lãi trong hạn chưa trả. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

Như vậy, ông Nguyễn Thanh B phải trả cho bà M tiền lãi như sau

- Tiền lãi trong hạn từ ngày 13/11/2017 đến ngày 13/02/2018 (03 tháng):

$460.000.000đ \times (10\%:12) \times 3 \text{ tháng} = 11.454.000đ$ (Mười một triệu bốn trăm năm mươi bốn ngàn đồng) (1).

- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: từ ngày 14/02/2018 đến ngày 25/5/2021 (tính tròn 39 tháng)

$460.000.000đ \times [(10\% \times 150\%):12] \times 39 \text{ tháng} = 224.250.000đ$ (Hai trăm hai mươi bốn triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) (2).

Tổng số tiền lãi phải trả là: (1) + (2) = $11.454.000đ + 224.250.000đ = 235.704.000đ$ (Hai trăm ba mươi lăm triệu, bảy trăm lẻ bốn ngàn đồng).

* Như vậy, tổng số tiền vốn và lãi mà ông B phải trả cho bà M là:

$460.000.000đ + 235.704.000đ = 695.704.000đ$ (Sáu trăm chín mươi lăm triệu, bảy trăm lẻ bốn ngàn đồng).

- Thời hạn thanh toán: thanh toán kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí:

Ông Nguyễn Thanh B phải nộp án phí trên số tiền phải trả cho bà Trần Thị Tuyết M là:

$20.000.000đ + 4\%(695.704.000đ - 400.000.000đ) = 31.828.160đ$ (Ba mươi một triệu, tám trăm hai mươi tám ngàn, một trăm sáu mươi đồng).

- Bà Trần Thị Tuyết M không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, khoản 1, 5 Điều 466; khoản 1,2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ- HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc ông Nguyễn Thanh B trả cho bà Trần Thị Tuyết M số tiền vốn vay là 460.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng) theo hợp đồng vay tiền số 011112, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng Quận H chứng nhận ngày 13/11/2017 và tiền lãi là 235.704.000đ (Hai trăm ba mươi lăm triệu, bảy trăm lẻ bốn ngàn đồng). Tổng cộng cả vốn và lãi là: 695.704.000đ (Sáu trăm chín mươi lăm triệu, bảy trăm lẻ bốn ngàn đồng)

Thời hạn thanh toán: thanh toán kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định về mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc M do ông Võ Văn V là người đại diện theo ủy quyền không yêu cầu ông Nguyễn Thanh B phải trả tiền lãi của số tiền lãi trong hạn chưa trả.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Thanh B phải nộp tiền án phí là: 31.828.160đ (Ba mươi một triệu, tám trăm hai mươi tám ngàn, một trăm sáu mươi đồng).

- Bà Trần Thị Tuyết M không phải nộp án phí. Trả lại cho bà Trần Thị Tuyết M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 14.328.000đ (Mười bốn triệu, ba trăm hai mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0010680 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

5/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Nhàn

